



PHÁT TRIỂN THANH TOÁN ĐIỆN TỬ TRONG DÂN CƯ TẠI VIỆT NAM

Cùng với sự phát triển của thương mại điện tử (TMĐT), thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) đang được các nước trên thế giới đặc biệt quan tâm, theo đó, xu hướng nổi bật hiện nay là giảm dần giao dịch thanh toán bằng chứng từ giấy và gia tăng giao dịch thanh toán điện tử (TTĐT). Cho đến nay, quá trình điện tử hoá các giao dịch thanh toán đã trải qua hai giai đoạn, trong đó giai đoạn đầu được thực hiện cho các giao dịch thanh toán giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B), giai đoạn tiếp theo được mở rộng ra cho các giao dịch giữa doanh nghiệp với khách hàng cá nhân (B2C), giữa khách hàng cá nhân với doanh nghiệp (C2B) và cuối cùng là hình thức thanh toán giữa khách hàng cá nhân với khách hàng cá nhân (C2C). Nhờ những tiến bộ không ngừng của khoa học công nghệ thông tin, hoạt động TTĐT đã có những bước phát triển đáng kể và ngày càng khẳng định được vai trò và lợi thế vượt trội so với các phương thức thanh toán truyền thống trước đây.

Tuy nhiên, tại Việt Nam, xuất phát từ thói quen thanh toán bằng tiền mặt quá lớn, quá trình hiện đại hóa hoạt động thanh toán vẫn còn nhiều khó khăn, trở ngại. Để thúc đẩy TTKDTM, Chính phủ đã phê duyệt Đề án TTKDTM giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020 tại Việt Nam, đi kèm theo đó là nhiều các chính sách nhằm cụ thể hoá chủ trương TTKDTM ở các khu vực hành chính công, doanh nghiệp cũng như khu vực dân cư, trong đó nổi

bật là Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) (T05/2007), Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg quy định về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách Nhà nước của Thủ tướng Chính phủ (T10/2007). Những chủ trương chính sách này đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực trong khối hành chính công và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, trong khối dân cư, tiền mặt vẫn là phương tiện thanh toán chính và phổ biến.

Do đó, đề tài: “Phát triển TTĐT trong dân cư tại Việt Nam” được lựa chọn nghiên cứu. Đề tài do ThS. Nguyễn Thu Hà - Nguyên Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam làm chủ nhiệm và đã bảo vệ thành công tại Hội đồng khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng ngày 21/12/2012 đạt loại xuất sắc. Sau đây, Tạp chí Ngân hàng xin giới thiệu những nội dung cơ bản của Đề tài.

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ TTĐT VÀ TTĐT TRONG DÂN CƯ Những vấn đề cơ bản về TTĐT và TTĐT trong dân cư

Khái niệm: “TTĐT có thể được hiểu là hoạt động thanh toán cuối cùng trong chuỗi quy trình TMĐT, là việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc chuyển tiền giữa các chủ thể trong nền kinh tế thông qua các phương tiện điện tử”.

Đặc điểm của TTĐT: Thứ nhất, TTĐT được xử lý nhanh. Thứ hai,

TTĐT không bị giới hạn về thời gian, không gian. Thứ ba, TTĐT mang lại sự thuận lợi trong giao dịch. Thứ tư, TTĐT có chi phí thấp. Thứ năm, TTĐT mang tính toàn cầu hóa cao.

Vai trò của TTĐT: Đối với nền kinh tế quốc gia, TTĐT đã góp phần không nhỏ trong phát triển kinh tế và tăng trưởng GDP: rút ngắn khoảng cách thanh toán giữa các quốc gia; giảm lưu lượng tiền mặt trong lưu thông, tăng tốc độ quay vòng vốn và tốc độ lưu chuyển tiền tệ; giảm chi phí cho nền kinh tế; minh bạch hóa các vấn đề tài chính, phòng chống rửa tiền.

Đối với các ngân hàng thương mại, TTĐT đóng vai trò then chốt: giúp các ngân hàng tiết kiệm chi phí hoạt động, cải thiện đáng kể nguồn lợi nhuận thu được từ phí dịch vụ; gia tăng sự gắn kết của khách hàng với ngân hàng.

TTĐT phi tiền mặt đem lại những lợi ích thiết thực cho người dân: Dân cư có thể thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ mọi lúc, mọi nơi mà không bị hạn chế bởi không gian, thời gian.

Yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của TTĐT: Môi trường pháp lý là yếu tố quan trọng, có tính định hướng đến quá trình phát triển hệ thống TTĐT của một quốc gia hoặc liên quốc gia; môi trường kinh tế: tiền tệ, góp phần tạo diện mạo văn minh thương mại. Môi trường xã hội: nhu cầu thanh toán, tập quán thanh toán, trình độ, tâm lý, thói quen thanh toán khác nhau của dân cư tại từng vùng miền, từng quốc gia. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ. Các yếu tố thuộc NHTM: trình độ công nghệ, năng lực quản trị rủi ro, hoạt động marketing truyền thông, chất lượng dịch vụ khách hàng.

Kinh nghiệm phát triển TTĐT trong dân cư tại một số nước Châu



Á và bài học đối với Việt Nam: bao gồm kinh nghiệm phát triển thẻ của Hàn Quốc, kinh nghiệm phát triển TTKDTM và kinh nghiệm phát triển sản phẩm ngân hàng di động của Ấn Độ.

Bài học kinh nghiệm đối với sự phát triển TTĐT tại Việt Nam:

- Tăng cường vai trò của Chính phủ;
- Khẳng định vai trò của công nghệ;
- Tăng cường công tác tuyên truyền TTĐT đối với dân cư.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TTĐT TRONG DÂN CƯ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2006 - 2011

1. Thực trạng phát triển TTĐT trong dân cư tại Việt Nam giai đoạn 2006 - 2011

1.1. Cơ sở pháp lý cho hoạt động TTĐT trong dân cư

Sau khi Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT giai đoạn 2006 - 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 15/09/2005, văn bản đầu tiên điều chỉnh chuyên sâu về lĩnh vực này là Luật Giao dịch điện tử được Quốc hội ban hành vào tháng 11/2005, đến năm 2006, Quốc hội ban hành Luật Công nghệ thông tin, và sau đó là sự ra đời của nhiều văn bản hướng dẫn chi tiết triển khai các Nghị định, từ đó hình thành khung pháp lý về TMĐT tại Việt Nam.

Mặc dù vậy, cơ sở pháp lý cho hoạt động TTĐT vẫn chưa được hoàn thiện: (i) Một số nội dung mâu thuẫn với Luật các TCTD 2010 và Bộ luật Dân sự 2005 (ii) chưa đề cập tới nhiều hình thức.

1.2. Tình hình phát triển TTĐT trong dân cư

Đối với hệ thống TTĐT thông qua tài khoản: Internet Banking: Bắt đầu hình thành từ năm 2004, đến năm 2011 có hơn 1,9 triệu người sử dụng trong toàn hệ thống,

doanh số thanh toán năm 2011 là 27,5 nghìn tỷ. Mobile banking: Xuất hiện năm 2003, đến năm 2011 có hơn 2,8 triệu người sử dụng trên toàn quốc. Phone banking: Xuất hiện chính thức vào năm 2004 với ngân hàng đầu tiên triển khai là ACB, đến năm 2011 đã có khoảng 100 nghìn người sử dụng trên toàn hệ thống. Thẻ thanh toán: năm 2012 có 45 triệu thẻ được phát hành, 13 nghìn máy ATM và 70 nghìn máy POS, số người sử dụng lên đến gần 15,8 triệu người.

Đối với hệ thống thanh toán qua tiền điện tử: Dịch vụ tiền trực tuyến chưa được phát triển mà mới chỉ xuất hiện dịch vụ ví điện tử. Năm 2012 đã có 9 tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ.

Các nguyên nhân lý giải cho sự phát triển dịch vụ TTĐT rất thấp xa so với tiềm năng của nền kinh tế: (i) Thói quen sử dụng tiền mặt của người dân; (ii) Chưa có định hướng rõ ràng và chính sách nhất quán của Nhà nước về phát triển TTĐT trong dân cư; (iii) Công nghệ các ngân hàng còn hạn chế; (iv) Đầu tư tài chính của các ngân hàng còn thấp; (v) Chưa có sự phát triển đồng bộ của ngân hàng, các cơ quan trung gian thanh toán; (vi) Chính sách quảng bá cho TTKDTM chưa được chú trọng; (vii) Chưa có chính sách và giải pháp quyết liệt và đồng bộ của Chính phủ và NHNN.

1.3. Các yếu tố hỗ trợ cho việc phát triển TTĐT trong dân cư

Công nghệ: Công nghệ hỗ trợ các kênh thanh toán do NHNN vận hành (IBPS, bù trừ và thanh toán qua hệ thống tiền gửi NHNN) và công nghệ của các NHTM (Internet banking, Mobile banking và Phone banking). Nhân sự: Đã xây dựng Trung tâm dịch vụ khách hàng hoạt động 24/7; xây dựng trung tâm dịch vụ thẻ, thiết lập đội ngũ bán hàng chủ động. Quản trị rủi ro: Quản trị rủi ro trong hoạt động thẻ và quản

trị rủi ro trong TTĐT. Marketing và truyền thông: đa dạng hóa sản phẩm và tuyên truyền, quảng cáo cho các sản phẩm.

2. Đánh giá thực trạng phát triển TTĐT trong dân cư tại Việt Nam giai đoạn 2006 - 2011

2.1. Những kết quả đạt được

Về tình hình phát triển TTĐT: (i) Dịch vụ tài khoản cá nhân của hệ thống NHTM phát triển nhanh với tốc độ trung bình mỗi năm khoảng 150% về số tài khoản và 120% về số dư tài khoản; (ii) Số lượng sản phẩm của các kênh thanh toán dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin đã xuất hiện và đi vào cuộc sống, ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu khách hàng; (iii) Số lượng người sử dụng sản phẩm đặc biệt là Internet Banking, thẻ tăng đều qua các năm; (iv) Các nhà cung cấp dịch vụ ngày càng đa dạng, đặc biệt là lĩnh vực khách sạn, hàng không chiếm ưu thế; (v) Các trung gian thanh toán ngày càng phát triển tạo nên sự đa dạng của thị trường. Về cơ sở pháp lý: Hành lang pháp lý cho hoạt động TTĐT tiếp tục được hoàn thiện, nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới. Về cơ sở hạ tầng và công nghệ: Ngân hàng lõi, phát triển hệ thống thanh toán nội bộ với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến. Về tuyên truyền quảng cáo: Hoạt động tuyên truyền, quảng cáo về sản phẩm và dịch vụ TTĐT ngày càng mạnh mẽ, nhờ vậy nhận thức của người dân về TTĐT được nâng cao.

Về cơ sở pháp lý: còn thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích thỏa đáng thúc đẩy TTĐT cũng như các quy định liên quan đến chính sách phí và cạnh tranh dịch vụ thẻ,... Về tình hình phát triển sản phẩm TTĐT: Các sản phẩm TTĐT chưa nhiều, doanh số thấp, dịch vụ thẻ ngân hàng mới chỉ tăng về số lượng mà chưa có sự chuyển biến thực sự



về chất lượng. Về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật: Hệ thống công nghệ kết nối giữa NHNN và các ngân hàng chưa được chuẩn hóa; hệ thống công nghệ của từng ngân hàng chưa đồng bộ. Về cạnh tranh trên thị trường: Cạnh tranh bằng thương hiệu, chất lượng dịch vụ chưa phổ biến, cạnh tranh không lành mạnh về phí ngày càng diễn ra phổ biến. Về công nghệ: Hệ thống thanh toán cốt lõi chưa đáp ứng được nhu cầu gia tăng về hoạt động thanh toán giữa các ngân hàng. Về hệ thống thông tin đánh giá khách hàng: Phát hành thẻ tín dụng theo hình thức tín chấp vẫn còn khiêm tốn. Về nhân sự: Đội ngũ cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực TTĐT chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn, lực lượng còn mỏng và có sự chênh lệch về trình độ giữa nhân sự thành thị và nông thôn.

Nguyên nhân gây nên hạn chế: Thói quen và nhận thức. Thiếu động cơ kinh tế đủ mạnh để khuyến khích TTKDTM. Hành lang pháp lý trong lĩnh vực thanh toán chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ. Vốn đầu tư vừa thiếu, vừa được sử dụng kém hiệu quả. Tâm lý sợ rủi ro về công nghệ hạn chế việc TTĐT. Trình độ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu. Thông tin tuyên truyền chưa được định hướng đúng đắn. Thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các Bộ, ngành hữu quan, chính quyền địa phương.

**CHƯƠNG III:
CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN
TTĐT TRONG DÂN CƯ
TẠI VIỆT NAM**

3.1. Định hướng chiến lược của Việt Nam về phát triển TTĐT trong dân cư

Định hướng chung phát triển TTĐT trong dân cư của Việt Nam theo lộ trình phù hợp với định hướng phát triển TTKDTM của Việt Nam đến năm 2020; tiếp tục hoàn

thiện cơ sở pháp lý liên quan đến hoạt động thanh toán, hoàn thiện các văn bản dưới Luật liên quan đến các phương tiện, hình thức thanh toán hiện đại; phát huy vai trò của Nhà nước, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, tác động tích cực TTKDTM trong dân cư; chuẩn hóa hạ tầng công nghệ quốc gia, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và ứng dụng công nghệ mới; kết nối liên thông hệ thống thanh toán thẻ trên toàn quốc; phát triển TTĐT trong dân cư đặt trong mối quan hệ cân bằng giữa lợi ích chung của dân cư và các tổ chức cung ứng dịch vụ TTĐT; đa dạng hóa dịch vụ thanh toán, phát triển cơ sở hạ tầng thanh toán, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ TTĐT, chú trọng phát triển TTKDTM trong khu vực nông thôn; thực hiện chiến dịch truyền thông, marketing nhằm tạo thói quen TTKDTM trong bộ phận lớn dân cư.

Định hướng cụ thể giai đoạn 2011- 2015: Đến cuối năm 2015, tỷ lệ tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán ở mức thấp hơn 11%, nâng tỷ lệ người dân có tài khoản tại ngân hàng lên mức 35 - 40% dân số; phát triển dịch vụ thanh toán thẻ, trọng tâm là phát triển thanh toán qua điểm chấp nhận thẻ. Áp dụng một số hình thức thanh toán mới, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Lộ trình thực hiện các hoạt động phát triển TTĐT trong dân cư

Giai đoạn 2011 - 2012: Thực hiện và hoàn thành Đề án xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất; giai đoạn 2012 - 2015: Tăng cường các giải pháp về an ninh, an toàn và bảo mật cho cơ sở hạ tầng thanh toán; xây dựng các tiêu chuẩn đối với máy móc; giai đoạn 2011 - 2015: Phát triển thanh toán thẻ qua điểm chấp nhận thẻ; kết nối liên thông hệ thống thanh

toán thẻ trên toàn quốc; giai đoạn 2012 - 2015: Áp dụng phương thức thanh toán qua điện thoại di động, qua Internet; giai đoạn 2013 - 2015: Xây dựng hệ thống thanh toán bù trừ tự động cho các giao dịch ngân hàng bán lẻ.

3.2. Giải pháp phát triển TTĐT trong dân cư tại Việt Nam

Nhóm giải pháp về khuôn khổ pháp lý

Ban hành Nghị định thay thế Nghị định 64/2001/NĐ-CP ngày 20/09/2001 (Nghị định 64). Thay thế/sửa đổi, bổ sung Nghị định số 161/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thanh toán bằng tiền mặt (Nghị định 161); ban hành Luật Sử dụng và bảo vệ thông tin tín dụng để đảm bảo bảo mật thông tin cho khách hàng và đảm bảo minh bạch cho thông tin tín dụng giữa các ngân hàng. Hoàn thiện các quy định về giá trị pháp lý của chứng từ điện tử để tạo điều kiện thuận lợi cho TTĐT. Bổ sung quy định pháp chế về tiêu chuẩn thẻ chip, tiêu chuẩn an toàn, bảo mật. Ban hành quy định về thủ tục mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, quy định về quản lý các ĐVCNT, về thủ tục thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán,...

Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách:

Gồm 2 nhóm là (i) Nhóm chính sách bắt buộc có đi kèm giám sát và chế tài và (ii) Nhóm chính sách hỗ trợ phát triển dịch vụ TTĐT nhằm khẳng định vai trò dẫn dắt và định hướng phát triển của Nhà nước.

Nhóm giải pháp về công nghệ:

Xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, hệ thống kỹ thuật tiên tiến; thực hiện chuyển giao công nghệ có hiệu quả để rút ngắn khoảng cách về trình độ công nghệ thông tin với các nước đi trước, cụ thể: Hiện đại hóa công nghệ; đồng bộ hóa



phương tiện và kênh thanh toán. Xây dựng và hoàn thiện các qui định liên quan đến quản trị các hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng. Tăng cường áp dụng các giải pháp an ninh, an toàn, bảo mật cho cơ sở hạ tầng thanh toán thẻ theo tiêu chuẩn của các TCTQT như PCI DSS, 3D-Secured, OTP.

Nhóm giải pháp về sản phẩm: Phát triển sản phẩm dịch vụ theo hướng mở rộng danh mục sản phẩm, đa dạng tính năng, gia tăng tiện ích, gần gũi và thân thiện đối với các tầng lớp dân cư khác nhau; Cải thiện các phương tiện TTĐT truyền thống như ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu theo hướng đẩy nhanh tốc độ thanh toán, an toàn và bảo mật;

Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ: Thành lập Trung tâm dịch vụ khách hàng 24/7 (Contact Center/Call Center). Thực hiện điều tra ý kiến khách hàng. Xây dựng quy trình quản lý chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử. Khuyến nghị khách hàng phòng ngừa rủi ro.

Nhóm giải pháp tuyên truyền, quảng bá, hướng dẫn: Tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ TTĐT đến đúng đối tượng. Cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, nâng cao ý thức của người dân về vai trò, trách nhiệm trong thực thi chiến lược TTKDTM của Nhà nước. Triển khai các hình thức truyền thông, quảng bá trên phạm vi rộng để người tiêu dùng yên tâm về tính bảo mật của hình thức TTĐT.

Giải pháp về nhân sự: Xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi, chuyên sâu đối với TTĐT ở NHNN và NHTM. Xác định nhóm cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt gửi đi đào tạo tại nước ngoài, xem xét đẩy mạnh phương án thuê chuyên gia nước ngoài. Tổ chức huấn luyện ngắn ngày, hội thảo chuyên đề khoa học,

hợp tác trao đổi.

3.3. Kiến nghị

Đối với Chính phủ: Xây dựng chiến lược quốc gia về TTĐT đến năm 2020. Xây dựng đồng bộ khung pháp lý tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động TTĐT trong dân cư. Ban hành các chính sách khuyến khích các Bộ, ngành, các cơ quan liên quan, các doanh nghiệp và dân cư tham gia thúc đẩy hoạt động TTĐT.

Quy định rõ về các hình thức thanh toán đối với các giao dịch mua bán quyền sử dụng đất, bất động sản trên đất, các giao dịch mua bán tài sản hàng hoá có giá trị lớn... Tạo điều kiện chuẩn hóa hệ thống công nghệ quốc gia, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thanh toán, xây dựng chuẩn công nghệ cho các giao dịch TTĐT.

Các Bộ, ngành liên quan

Ngân hàng Nhà nước: Hoàn thiện hành lang pháp lý, ban hành bổ sung thêm các văn bản thúc đẩy hoạt động TTĐT đặc biệt TTĐT trong dân cư. Bổ sung quy định hướng dẫn về cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán của các tổ chức không phải là ngân hàng,... Xây dựng hệ thống báo cáo thống nhất đối với các NHTM về các loại giao dịch TTĐT nhằm phục vụ công tác quản lý, phân tích, dự báo, quản trị điều hành. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra để nắm bắt được tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các NHTM trong quan hệ với các đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ. Thống nhất chỉ có một trung tâm chuyển mạch thẻ quốc gia. Xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra từ phía NHNN, đảm bảo các bên liên quan không được từ chối, cản trở thực hiện TTĐT. Hoàn thiện hệ thống thông tin trên CIC, nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý thông tin cá nhân điện tử tiên tiến, hiện đại.

Đối với các Bộ, ngành liên quan
Bộ Khoa học công nghệ, Thông tin - Truyền thông: Xây dựng và triển khai chiến lược quốc gia về công nghệ. Đảm bảo sự đồng nhất về hạ tầng công nghệ, cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp viễn thông, đồng thời tư vấn, hỗ trợ tích cực các đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ muốn triển khai các giải pháp thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ không sử dụng tiền mặt. Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông quốc gia về TTĐT trong dân cư.

Bộ Tài chính: Ban hành các quy định khuyến khích các cá nhân mở tài khoản và TTKDTM qua ngân hàng được miễn, giảm một số loại thuế nhất định như thuế VAT khi thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, thuế trước bạ khi mua bán nhà đất...; các quy định về việc tổ chức, doanh nghiệp cung ứng sản phẩm dịch vụ phải chấp nhận rộng rãi các phương tiện TTKDTM, kèm theo các chế tài thưởng, phạt rõ ràng.

Bộ Công thương: Xây dựng Đề án triển khai thu nộp các loại phí, cước dịch vụ công cộng/tiện ích ngân hàng (Bộ Công thương chủ trì).

Bộ Giao thông vận tải: Xây dựng và thực hiện Đề án bán vé điện tử trong lĩnh vực giao thông công cộng.

Bộ Kế hoạch đầu tư: Ưu tiên nguồn vốn hợp lý đầu tư phát triển thanh toán thẻ, tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế để nhận được những hỗ trợ vốn phát triển thanh toán thẻ.

Bộ Xây dựng: Cần phối hợp với NHNN và các cơ quan liên quan ban hành các quy định về quản lý các giao dịch thanh toán giá trị lớn về mua bán quyền sử dụng đất, bất động sản trên đất (nhà, công trình xây dựng...).

VCL